

Bản án số: 42/2023/HS-ST

Ngày 31-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận.

Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (là điểm cầu trung tâm) và tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (là điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến công khai tại 02 điểm cầu vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01-01-1985 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: không xác định (chết) và bà **Nguyễn Thị Đ1**, sinh năm 1957 (sống); Anh chị em ruột: 03 người, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Có vợ tên **Phan Thị B**, sinh năm 1991; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Tạm giữ: Ngày 23-02-2023.

Đến ngày 28-02-2023 hủy bỏ quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

Tạm giữ: Ngày 15-7-2023 (bắt theo quyết định truy nã).

Tạm giam: Ngày 18-7-2023.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1/ Đỗ Văn T, sinh năm 1983 (có mặt);

Cư trú: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Hồ Văn G, sinh năm 1976 (có mặt);

Cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Nguyễn Thành D, sinh năm 1999 (có mặt).

Cư trú: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Ngô Thị N, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp G, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

2/ Nguyễn H1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Lâm Văn L, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/02/2023 đến ngày 22/02/2023, Nguyễn Văn Đ đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 19/02/2023, Nguyễn Văn Đ đi bộ từ Cầu Đ, thuộc ấp G, xã B, huyện T về hướng thành phố H, khi đến gần quán N1 thuộc khóm A, thị trấn S, huyện T, Đay rẽ trái theo đường nội đồng ra ruộng khoảng 500 mét thì phát hiện xe mô tô Biển số: 66K1-143.73 của anh Đỗ Văn T, có sẵn chìa khóa trên xe, không có người trông coi nên lấy trộm rồi chạy đến chợ T1, dựng xe bên ngoài đi vào một tiệm tạp hóa để mua 02 chai rượu, sau đó Đay sợ bị phát hiện nên bỏ lại xe ở đây và đi nhờ người khác đến cầu S rồi Đay xuống

chân cầu nhậu một mình và ngủ lại đây. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, **D** thức dậy và đi nhờ xe của người khác đến nhà anh **C**, thuộc **ấp Đ, xã T, huyện T** tiếp tục nhậu và ngủ lại nhà anh **C**.

Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 20/02/2023, **Đ** đi bộ từ nhà anh **C** về hướng **UBND xã T, huyện T**, khi đi được khoảng 200 mét thì phát hiện xe mô tô **Biển số: 66P1-900.89 của anh Hồ Văn G** ở **ấp Đ, xã T, huyện T** đang đậu cặp bên hông nhà, không có người trông coi nên ngồi lên xe dùng chân đạp nổ máy chạy về hướng **chợ G1** thuộc **ấp T, xã T, huyện T**, khi đi qua khu vực **gò Q** được khoảng 200 mét thì bán xe cho một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch đang điều khiển xe mô tô kéo xe đẩy mua phế liệu được 800.000 đồng. Sau đó **Đ** đi nhờ người khác về nhà ở **ấp B, xã T, huyện T**, số tiền có được đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 22/02/2023, **Đ** đi nhờ xe mô tô của một người đi đường đến **ấp G, xã B, huyện T**, **Đ** xuống xe đi bộ khoảng 200 mét thì phát hiện có 01 xe mô tô **Biển số: 62H3-3270 của anh Nguyễn Thành D** đang đậu trước cửa nhà, thấy không có người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa nên lấy trộm chạy về hướng **chợ G1**, khi đi trên đường thì ngừng xe lại dùng tay bẻ biển số xe ném bỏ, không nhớ địa điểm. Sau đó **Đ** tiếp tục điều khiển xe đến **ấp B, xã T, huyện T** rồi nhậu với người quen. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu, **Đ** điều khiển xe mô tô chạy về nhà thì bị lực lượng Công an kiểm tra mời làm việc, **Đ** đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra, bị can **Nguyễn Văn Đ** đã bỏ trốn nên ngày 26/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** ra quyết định truy nã.

Đến ngày 15/7/2023, **Nguyễn Văn Đ** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** bắt truy nã.

*** Vật chứng của vụ án thu giữ:**

- 01 xe mô tô biển số: 62H3-3270; số máy: SD042101; màu sơn: Nâu; nhãn hiệu: BOSS; loại xe Dream, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện T** đã xử lý trả lại cho bị hại **Nguyễn Thành D** quản lý sử dụng.

- 01 xe mô tô biển số: 66K1-143.73; số máy: C12E-5432594; số khung: 121XDY433029; màu sơn: Trắng- Bạc-Đen; nhãn hiệu: HONDA; loại xe: Wave Alpha, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an huyện T** đã xử lý trả lại cho bị hại **Đỗ Văn T** quản lý sử dụng.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐG ngày 24/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện T** kết luận: 01 xe mô tô biển số: 66K1-143.73, số máy: C12E-5432594, số khung: 121XDY433029, màu sơn:

Trắng- Bạc-Đen, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: Wave Alpha, đã qua sử dụng, của bị hại **Đỗ Văn T** có giá trị: **8.000.000 đồng**.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐG ngày 24/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận: 01 xe mô tô biển số: 62H3-3270, số máy: SD042101, màu sơn: Nâu, nhãn hiệu: BOSS, loại xe Dream, đã qua sử dụng, của bị hại **Nguyễn Thành D** có giá trị: **3.000.000 đồng**.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **huyện T** kết luận: 01 xe mô tô biển số: 66P1-900.89, số máy: OFMG01609977, số khung: 66P190089, màu sơn: Xám, nhãn hiệu: LONCIN, loại xe: Dream, đã qua sử dụng, của bị hại **Hồ Văn G** có giá trị: **2.000.000 đồng**.

Đối với biển số xe mô tô: 62H3-3270 của bị hại **Nguyễn Thành D** do Đây ném bỏ không rõ địa điểm nên không thu giữ được, bị hại **D** không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với người nữ mua xe mô tô biển số: 66P1-900.89, do Đây không biết rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 40/CT-VKSTH ngày 09-8-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Văn Đ** thừa nhận hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa các bị hại **Đỗ Văn T**, **Nguyễn Thành D** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn Đ** bồi thường gì vì đã nhận lại tài sản bị mất; đối với biển số xe mô tô 62H3-3270 bị cáo Đây đã ném bỏ không thu giữ được thì anh **D** cũng không yêu cầu bồi thường. Đối với bị hại **Hồ Văn G** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn Đ** bồi thường giá trị tài sản chiếc xe mô tô bị mất theo giá định giá là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bị cáo **Đ** đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại **G**.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó,

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** mức án tù 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** có trách nhiệm bồi thường cho bị hại **Hồ Văn G** giá trị tài sản xe mô tô bị mất số tiền: 2.000.000 đồng.

Đối với người nữ mua xe mô tô biển số: 66P1-900.89, do Đây không biết rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với biển số xe mô tô: 62H3-3270 của bị hại **Nguyễn Thành D** do Đây ném bỏ không rõ địa điểm nên không thu giữ được, bị hại **D** không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo, các bị hại đều không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo **Nguyễn Văn Đ** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa lời nhận tội của bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Văn Đ** có hành vi lén lút 03 lần lấy trộm tài sản của các bị hại gồm: 01 xe mô tô của bị hại **Đỗ Văn T** biển số: 66K1-143.73, có giá trị định giá: **8.000.000 đồng**; 01 xe mô tô của bị hại **Hồ Văn**

G biển số: 66P1-900.89, có giá trị định giá: **2.000.000 đồng**; 01 xe mô tô của bị hại **Nguyễn Thành D** biển số: 62H3-3270, có giá trị định giá: **3.000.000 đồng**. Tổng tài sản trộm có giá trị định giá: **13.000.000 đồng**. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Nguyễn Văn Đ** là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xuất phát từ lòng tham lam của bản thân, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại, hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, gây lo lắng trong cộng đồng dân cư và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Vì vậy nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Văn Đ** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại **Hồ Văn G** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn Đ** bồi thường giá trị tài sản chiếc xe mô tô bị mất theo giá định giá là

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại **Hồ Văn G** nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Đối với Biên số xe mô tô: 62H3-3270 của bị hại **Nguyễn Thành D** do Đây ném bỏ không rõ địa điểm nên không truy tìm được, bị hại **D** không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[7] Đối với người nữ mua xe mô tô Biển số: 66P1-900.89, do bị cáo **Đ** không biết rõ nhân thân lai lịch nên chưa làm việc được. Khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo (Ngày 15-7-2023) và được trừ đi những ngày tạm giữ trước đó (Từ ngày 23/02/2023 đến ngày 28/02/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** có trách nhiệm bồi thường cho bị hại **Hồ Văn G** giá trị tài sản xe mô tô biển số: 66P1-900.89 bị mất số tiền: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Văn Đ** chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-8-2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Dung